

BẢN TIN XUẤT NHẬP KHẨU

THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

2022



Mục lục

I. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN	2
II. XUẤT NHẬP KHẨU NHẬT BẢN	4
1. Tình hình xuất nhập khẩu của Nhật Bản	4
2. Đối tác xuất nhập khẩu	4
3. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu	6
III. TRAO ĐỔI THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM	7
1. Xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Nhật Bản	7
2. Một số mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản trong quý II năm 2022	8
3. Tình hình xuất khẩu một số mặt hàng của Việt Nam sang Nhật Bản	9
3.1. Dệt may	9
3.2. Cà phê	12
3.3. Gỗ và sản phẩm gỗ	15
3.4. Nhựa và sản phẩm nhựa	18
IV. HƯỚNG DẪN GIAO THƯƠNG TẠI NHẬT BẢN	22
1. Thủ tục thành lập công ty tại Nhật Bản	22
1.1. Một số loại hình công ty tại Nhật Bản	22
1.2. Các thủ tục thành lập công ty tại Nhật Bản	23
2. Hướng dẫn tiếp cận thị trường Nhật Bản qua kênh thương mại điện tử	25
3. Một số lưu ý khi xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Nhật Bản	29
3.1. Lưu ý chung	29
3.2. Lưu ý về thủ tục nhập khẩu hàng hóa vào Nhật Bản	31
V. THÔNG TIN GIAO THƯƠNG	35
1. Cơ hội giao thương từ các doanh nghiệp nhập khẩu Nhật Bản	35
2. Thông tin hội chợ triển lãm tại Nhật Bản	38
3. Một số nhà nhập khẩu uy tín của Nhật Bản	41
3.1. Các doanh nghiệp nông sản/ thủy sản	41
3.2. Công ty nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ	44
4. Địa chỉ hữu ích	46
NGUỒN THAM KHẢO:	49

LỜI GIỚI THIỆU

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, 6 tháng đầu năm 2022, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản đạt 11,38 tỷ USD, tăng gần 13% so với cùng kỳ năm ngoái, tương đương kim ngạch tăng thêm 1,3 tỷ USD. Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam khá đa dạng từ lĩnh vực nông sản đến chế biến, chế tạo...

6 tháng đầu năm có 3 nhóm hàng xuất khẩu đạt từ 1 tỷ USD trở lên gồm: dệt may đạt gần 1,67 tỷ USD; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 1,364 tỷ USD; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 1,2 tỷ USD.

Ngoài ra còn nhiều nhóm hàng đạt kim ngạch hàng trăm triệu USD như thủy sản (800 triệu USD); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (603,7 triệu USD); điện thoại và linh kiện (538,7 triệu USD); giày dép (495,8 triệu USD); sản phẩm từ chất dẻo (386 triệu USD)...

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu từ Nhật Bản trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt 12 tỷ USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm ngoái, tương đương kim ngạch tăng thêm 1,15 tỷ USD.

Tương tự xuất khẩu, 6 tháng đầu năm có 3 nhóm hàng nhập khẩu đạt từ 1 tỷ USD trở lên gồm: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện hơn 3,5 tỷ USD; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 2,14 tỷ USD; sắt thép đạt hơn 1 tỷ USD. 6 tháng qua, cán cân thương mại giữa hai nước khá cân bằng (Việt Nam nhập siêu 620 triệu USD).

Số liệu trên cho thấy việc mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng của Chính phủ đã và đang mở ra nhiều cơ hội giao thương cho doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên để xuất khẩu thành công ra thị trường quốc tế thì doanh nghiệp cần phải nắm rõ thông tin thị trường, các quy định về nhập khẩu của quốc gia, vùng, lãnh thổ mà doanh nghiệp dự kiến xuất khẩu hàng hóa. Thực tế cho thấy hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa còn thiếu và yếu trong việc tiếp cận các thông tin về thị trường xuất khẩu dẫn đến gặp khó khăn trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa, đặc biệt là xuất khẩu hàng hóa qua môi trường trực tuyến. Chính vì vậy, chúng tôi biên soạn Bản tin thông tin thị trường xuất nhập khẩu nhằm giúp các doanh nghiệp có cái nhìn tổng quan về tình hình xuất khẩu của các ngành hàng chủ lực của Việt Nam cũng như phân tích sâu về thị trường Nhật Bản và giới thiệu những quy định, lưu ý dành cho các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này.

I. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

Tên đầy đủ	Nhật Bản
Vị trí địa lý	Nằm ở Đông Á, đảo nối liền giữa Bắc Thái Bình Dương và biển của Nhật Bản, phía đông của bán đảo Hàn Quốc
Diện tích Km2	377,915
Dân số (triệu người)	124,21
Cấu trúc dân số	0-14 tuổi: 12,49%; 15-24 tuổi: 9,47%; 25-54 tuổi: 36,8%; 55-64 tuổi: 12,06%; Trên 65 tuổi: 29,18%
Tỷ lệ tăng dân số (%)	-0,39%
Dân tộc	97,9% gốc Nhật, 0,4% gốc Hàn, 0,6% gốc Trung Quốc, 1,1% dân tộc khác
Thủ đô	Tokyo
Quốc khánh	2 tháng 11
Hệ thống pháp luật	Dựa theo hệ thống luật pháp của Đức và chịu ảnh hưởng của Mỹ
GDP (tỷ USD)	5224,85
Tỷ lệ tăng trưởng GDP (%)	0.7
GDP theo đầu người (USD)	41,40
GDP theo cấu trúc ngành	Nông nghiệp: 1,1%; Công nghiệp: 30,1%, Dịch vụ: 68,7%
Lực lượng lao động (triệu)	66,54
Lực lượng theo lĩnh vực nghề nghiệp	Nông nghiệp: 2,9%; Công nghiệp: 26,2%, Dịch vụ: 70,9%
Sản phẩm Nông nghiệp	Gạo, củ cải đường, rau, trái cây, thịt lợn, gia cầm, sản phẩm từ sữa, trứng, cá
Công nghiệp	Dây chuyền sản xuất mô tô công nghệ hiện đại nhất trên thế giới, thiết bị điện tử, công cụ máy móc, thép và kim loại màu, tàu, hóa chất, dệt may, chế biến thực phẩm
Xuất khẩu (triệu USD)	793.32
Mặt hàng xuất khẩu	Ô tô và các bộ phận của xe, mạch tích hợp, tàu thủy....
Đối tác xuất khẩu	Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Việt Nam, Đài Loan
Nhập khẩu (triệu USD)	799.52
Mặt hàng nhập khẩu	Dầu thô, khí đốt tự nhiên, than đá, mạch tích hợp, thiết bị phát sóng....
Đối tác nhập khẩu	Trung Quốc, Hoa Kỳ, Úc, Việt Nam

Nguồn: CIA 2022

II. XUẤT NHẬP KHẨU NHẬT BẢN

1. Tình hình xuất nhập khẩu của Nhật Bản

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN 5 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: tỷ USD

	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng kim ngạch	Thặng dư
Tháng 1	55,11	74,25	129,35	-19,14
Tháng 2	62,42	68,29	130,71	-5,88
Tháng 3	71,36	74,94	146,30	-3,58
Tháng 4	63,97	70,73	134,70	-6,76
Tháng 5	56,31	74,84	131,15	-18,53

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

XU HƯỚNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN 5 NĂM QUA

Đơn vị: tỷ USD

	Q1/2018	Q1/2019	Q1/2020	Q1/2021	Q1/2022
Xuất khẩu	184,38	173,82	166,28	180,85	188,88
Nhập khẩu	185,45	179,13	168,19	175,94	217,48
Tổng kim ngạch	369,83	352,94	334,47	356,79	406,36
Thặng dư	-1,08	-5,31	-1,91	4,91	-28,60
Tăng trưởng xuất khẩu (%)		-5,73	-4,33	8,76	4,44
Tăng trưởng nhập khẩu (%)		-3,41	-6,11	4,61	23,61

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

2. Đối tác xuất nhập khẩu

MỘT SỐ ĐỐI TÁC XUẤT KHẨU VÀO NHẬT BẢN NĂM 2021

STT	Nước xuất khẩu sang Nhật Bản	Giá trị (tỷ USD)	Thị phần (%)
1	Trung Quốc	541,55	70,09
2	Hoa Kỳ	388,38	50,26
3	Úc	365,74	47,33
4	Đài Loan	139,39	18,04
5	Hàn Quốc	138,24	17,89
6	Saudi Arabia	108,20	14,00
7	Tiểu Vương Quốc Ả rập Thống nhất	98,82	12,79
8	Thái Lan	80,74	10,45
9	Đức	77,02	9,97
10	Việt Nam	74,05	9,58

Nguồn: Trung tâm thương mại quốc tế

MỘT SỐ ĐỐI TÁC NHẬP KHẨU TỪ NHẬT BẢN NĂM 2021

STT	Nước nhập khẩu từ Nhật Bản	Giá trị (tỷ USD)	Thị phần (%)
1	Trung Quốc	307,00	40,53
2	Hoa Kỳ	276,46	36,50
3	Đài Loan	151,07	19,94
4	Hàn Quốc	74,97	9,90
5	Hồng Kông	65,77	8,68
6	Thái Lan	65,17	8,60
7	Đức	61,46	8,11
8	Singapore	53,58	7,07
9	Việt Nam	46,88	6,19
10	Malaysia	40,13	5,30

Nguồn: Trung tâm thương mại quốc tế

3. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu

CÁC MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CHỦ YẾU NĂM 2021

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2021 (tỷ USD)	Tăng trưởng (%)
851712	Điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác	17,98	20,64
260111	Quặng sắt và tinh quặng sắt, chưa nung kết	16,06	89,70
300490	Thuốc chữa bệnh bao gồm các sản phẩm hỗn hợp hoặc không pha trộn cho các mục đích điều trị hoặc dự phòng, ...	15,41	9,13
260300	Quặng đồng và tinh quặng đồng	13,05	40,27
854239	Mạch tích hợp điện tử (không bao gồm bộ xử lý, bộ điều khiển, bộ nhớ và bộ khuếch đại)	12,54	51,69
847130	Máy xử lý dữ liệu tự động loại xách tay, có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình	9,92	-12,68
300215	Các sản phẩm miễn dịch, đóng gói theo liều lượng hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ	9,57	19,09
854231	Đơn vị xử lý và đơn vị điều khiển, có hoặc không kết hợp với bộ nhớ, bộ chuyển đổi, mạch logic, khuếch đại, đồng hồ thời gian và mạch định giờ, hoặc các mạch khác	8,44	20,96
851762	Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, kể cả thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến	7,35	6,23
300220	Vắc xin cho người	6,19	1.104,90

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2021 (tỷ USD)	Tăng trưởng (%)
854430	Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác loại sử dụng cho xe, phương tiện bay hoặc tàu thuyền	5,15	13,86
100590	Ngô (không bao gồm hạt giống để gieo)	4,73	43,96
847150	Bộ xử lý dùng cho máy tính cá nhân (kể cả loại máy xách tay)	4,26	9,43
854232	Mạch tích hợp điện tử như bộ nhớ	3,62	17,04
760110	Nhôm, không hợp kim	3,50	67,70

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế



III. TRAO ĐỔI THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM

1. Xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Nhật Bản

XUẤT NHẬP KHẨU GIỮA VIỆT NAM VÀ NHẬT BẢN 5 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: tỷ USD

	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5
Xuất khẩu sang Việt Nam	1,22	1,55	1,71	1,62	1,54
Nhập khẩu từ Việt Nam	2,29	1,89	2,08	2,04	2,17
Tổng kim ngạch	3,50	3,44	3,80	3,66	3,71
Thặng dư	-1,07	-0,35	-0,37	-0,42	-0,63
Tăng trưởng xuất khẩu (%)		27,07	10,80	-5,41	-5,08
Tăng trưởng nhập khẩu (%)		-17,24	10,03	-1,95	6,14

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

XU HƯỚNG XUẤT NHẬP KHẨU GIỮA VIỆT NAM VÀ NHẬT BẢN TRONG VÒNG 5 NĂM QUA

Đơn vị: tỷ USD

	Q1/2018	Q1/2019	Q1/2020	Q1/2021	Q1/2022
Xuất khẩu sang Việt Nam	3,72	3,59	4,18	4,40	4,48
Nhập khẩu từ Việt Nam	4,96	5,13	5,65	5,87	6,26
Tổng kim ngạch	8,68	8,72	9,84	10,27	10,74
Thặng dư	-1,25	-1,53	-1,47	-1,47	-1,79
Tăng trưởng xuất khẩu		-3,32	16,40	5,17	1,72
Tăng trưởng nhập khẩu		3,29	10,27	3,89	6,64

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

2. Một số mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản trong quý II năm 2022

STT	Mô tả hàng hoá	Kim ngạch QII/2022 (triệu USD)	Tăng trưởng so với QII/2021 (%)	% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản
1	Hàng dệt may	1.669,88	5,71	14,68
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	1.364,10	4,63	11,99
3	Phương tiện vận tải và phụ tùng	1.201,55	-10,24	10,56
4	Gỗ và sản phẩm gỗ	844,31	16,53	7,42
5	Giày dép các loại	495,77	-3,03	4,36
6	Hàng thủy sản	799,87	14,99	7,03

STT	Mô tả hàng hoá	Kim ngạch QII/2022 (triệu USD)	Tăng trưởng so với QII/2021 (%)	% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản
7	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	603,73	23,78	5,31
8	Điện thoại các loại và linh kiện	538,68	22,88	4,73
9	Sản phẩm từ chất dẻo	386,01	14,06	3,39
10	Hoá chất	300,97	42,15	2,65

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Hải quan



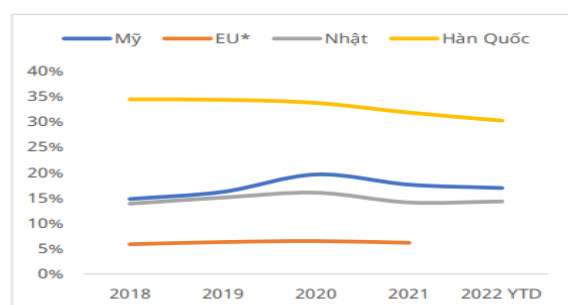
3. Tình hình xuất khẩu một số mặt hàng của Việt Nam sang Nhật Bản

3.1. Dệt may

Nhật Bản vẫn đang rộng mở nhập khẩu nhiều loại hàng hóa từ Việt Nam và dệt may là mặt hàng có nhiều lợi thế, cả về chất lượng, giá cả cũng như quan hệ đối tác lâu năm giữa các nhà sản xuất và nhập khẩu. Hiện nước này duy trì vị trí là một trong những thị trường xuất khẩu hàng dệt may lớn nhất của Việt Nam.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, hàng dệt may dẫn đầu kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản trong 6 tháng đầu năm 2022, đạt 1,67 tỷ USD, chiếm 14,6 % tỷ trọng xuất khẩu, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2021.

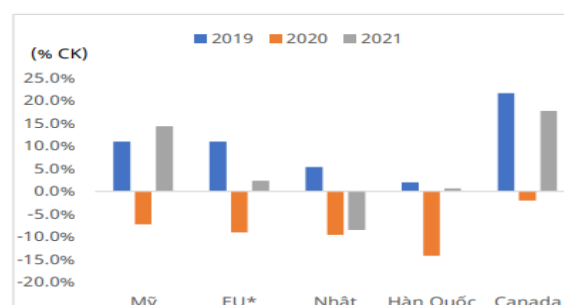
Thị phần hàng thời trang Việt Nam tại các thị trường chính



Nguồn: Thống kê các nước, Mirae Asset Vietnam Research

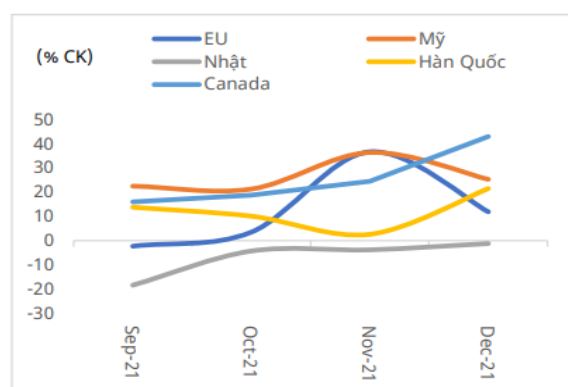
*TT EU: Tỷ trọng hàng thời trang VN trong nhóm các nước XK lớn vào EU

Tăng trưởng xuất khẩu hàng thời trang Việt Nam tại các thị trường chính



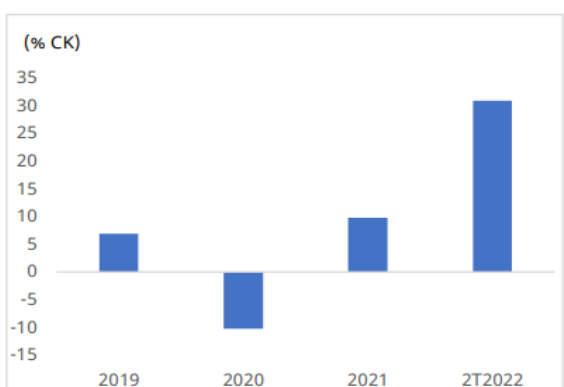
Nguồn: Thống kê các nước-cập nhật 01/2022, Mirae Asset Vietnam Research

Tăng trưởng bán lẻ hàng thời trang tại các thị trường



Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Tăng trưởng xuất khẩu hàng may mặc Việt Nam



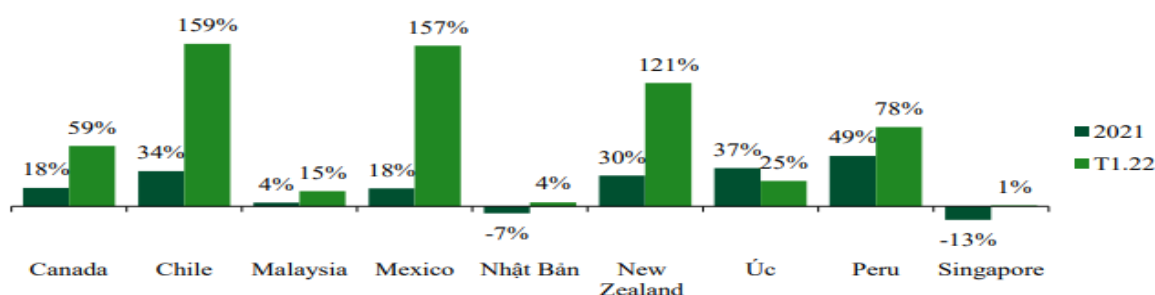
Nguồn: Hải quan VN, Mirae Asset Vietnam Research

Dệt may cũng là ngành hàng tận dụng ưu đãi thuế quan hiệu quả nhất theo các FTA đang có hiệu lực với Nhật Bản. Theo đánh giá, mặc dù quy tắc xuất xứ hàng dệt may trong AJCEP, VJEPA và CPTPP rất chặt nhưng các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam vẫn tận dụng rất tốt ưu đãi từ các hiệp định này.

Cơ cấu XK hàng dệt may sang khối nước CPTPP, 2021



Tăng trưởng XK sang khối nước CPTPP năm 2021 và T1.2022 svck



Nguồn: Báo cáo triển vọng ngành dệt may 2022, VCBS

Các doanh nghiệp dệt may đã tìm hiểu các quy định trong từng hiệp định để bằng cách sử dụng nguyên liệu (chủ yếu là vải) của Nhật Bản để sản xuất hàng may mặc xuất khẩu. Năm 2021, cơ cấu nhập khẩu vải của ngành dệt may có khoảng 671 triệu USD từ các thị trường CPTPP. Do đó, tỷ lệ sử dụng C/O ưu đãi đối với hàng dệt may xuất khẩu sang Nhật Bản đạt mức 79,17%.

Dự báo trong năm 2022 các yếu tố rủi ro chính đối với ngành dệt may của Việt Nam đó là giá dầu thô và cotton tiếp tục đà tăng từ giữa năm 2020 cộng với chi phí vận tải biển tăng cao gia tăng gánh nặng cho các doanh nghiệp dệt may trong bối cảnh nhiều chi phí phát sinh trong việc phòng chống dịch Covid-19 và tái bố trí hoạt động sản xuất. Ngoài ra, áp lực tăng chi phí nhân công trong nước đang hiện hữu khi các chi phí sinh hoạt và lạm phát dự báo tăng trong năm 2022. Việc các chi phí tăng cao nhiều khả năng sẽ làm giảm khả năng cạnh tranh và biên lợi nhuận của các công ty Việt Nam khi hầu hết các công ty trong ngành chủ yếu tham gia vào công đoạn gia công trong chuỗi giá trị và rất nhạy cảm với biến động chi phí đầu vào.

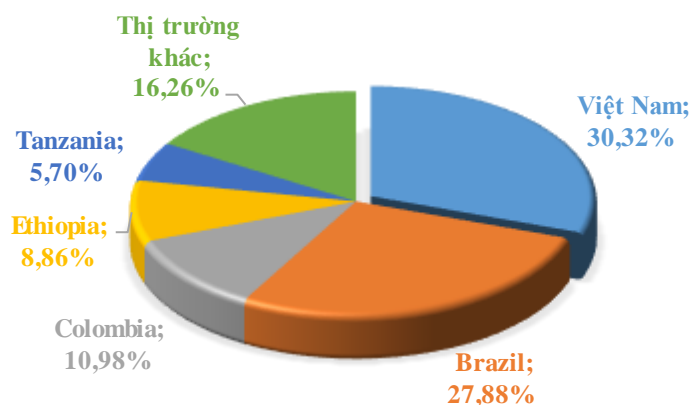
Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần lưu ý tiêu chuẩn nhập khẩu vào thị trường với từng nhóm hàng. Đơn cử, hàng dệt may xuất khẩu vào Nhật Bản, không bắt buộc tiêu chuẩn nào nhưng để tiêu thụ tốt, xuất khẩu bền vững sang thị trường này các doanh nghiệp cần chú ý nghiên cứu, đáp ứng các tiêu chuẩn JIS (tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản).

Để xuất khẩu ổn định với giá trị gia tăng xứng đáng, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam cần nỗ lực thâm nhập, khai thác hệ thống phân phối tại thị trường này. Hiện nay, việc tiếp xúc các kênh phân phối tại Nhật Bản còn hạn chế do hệ thống bán lẻ ở nước này đặt ra tiêu chuẩn mua hàng rất cao và khắt khe, khiến doanh nghiệp Việt Nam không đáp ứng được hoặc không mặn mà trong việc đầu tư để đáp ứng các tiêu chuẩn này, như: yêu cầu về thủ tục thanh toán chặt chẽ, chưa có chi nhánh hay văn phòng đại diện tại Nhật Bản để xử lý các dịch vụ sau bán hàng. Do đó, phần lớn hàng Việt Nam xuất khẩu đều qua trung gian, ít thể hiện được thương hiệu, giá trị xuất khẩu không cao, tiêu thụ bấp bênh. Trong khi đó, hệ thống phân phối hàng hoá ở nước này chủ yếu qua các nhà bán lẻ lớn. Chúng ta cần tập trung khai thác, kết nối trực tiếp với kênh phân phối này để vừa tạo thương hiệu, vừa nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm Việt Nam.

3.2. Cà phê

Trong tháng 4/2022, xuất khẩu cà phê sang Nhật Bản tăng hơn 11% về lượng. Tính chung trong quý I/2022, Việt Nam là thị trường cung cấp cà phê lớn nhất cho thị trường này, chiếm hơn 30% thị phần.

Cơ cấu thị trường cung cấp cà phê cho Nhật Bản Q1/2022 (% tính theo lượng)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, tháng 4/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản đạt 10.541 tấn, đạt 25,9 triệu USD, tăng lần lượt 39,8% và 61,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam xuất khẩu 45.139 tấn cà phê sang thị trường này, tương đương 110,1 triệu USD, tăng lần lượt 11,4% và 45,4%.

Về chủng loại, Q1/2022, xuất khẩu cà phê Robusta của Việt Nam sang Nhật Bản đạt 30,31 nghìn tấn, trị giá 61,8 triệu USD, tăng 6,7% về lượng và tăng 36,6% về trị giá so với Q1/2021. Tỷ trọng xuất khẩu cà phê Robusta sang Nhật Bản chiếm 73,48% tổng trị giá trong Q1/2022, thấp hơn so với tỷ trọng 75,8% trong Q1/2021. Đáng chú ý, Việt Nam tăng mạnh xuất khẩu cà phê chế biến sang Nhật Bản, mức tăng 63,6% so với Q1/2021, đạt 16,3 triệu USD. Tỷ trọng xuất khẩu cà phê chế biến sang Nhật Bản chiếm 19,38% tổng trị giá trong Q1/2022, cao hơn so với tỷ trọng 16,93% trong Q1/2021.

Chủng loại cà phê nhập khẩu của Nhật Bản trong Q1/2022

Chủng loại	Q1/2022		So với Q1/2021 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Q1/2022	Q1/2021
0901.11-000	114.314	379.124	6,0	60,8	97,51	97,74
0901.21-000	1.933	28.258	5,0	13,2	1,65	1,67
0901.12-000	888	4.682	70,4	113,8	0,76	0,47
0901.22-000	97	1.545	39,7	19,0	0,08	0,06
0901.90-100	1	9	-98,4	-17,4	0,00	0,05

Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Q1/2022, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Nhật Bản đạt mức 3.528 USD/tấn, tăng 47,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Nhật Bản từ tất cả các nguồn cung cấp chính tăng mạnh. Mức tăng cao nhất 91% từ Tanzania, lên mức 4.999 USD/tấn; mức tăng thấp nhất 44,5% từ Việt Nam, lên mức 1.991 USD/tấn. Tháng 4/2022, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam sang Nhật Bản đạt mức 2.458 USD/tấn, tăng 2,8% so

với tháng 3/2022 và tăng 15,8% so với tháng 4/2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam sang Nhật Bản đạt mức 2.440 USD/tấn, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Tính riêng tháng 6/2022, Việt Nam xuất khẩu 8,2 nghìn tấn với trị giá 20,7 triệu USD, giảm 2% về lượng nhưng tăng 22,7% về trị giá so với tháng 6/2021. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản đạt khoảng 60,8 nghìn tấn, trị giá 153,3 triệu USD, tăng 5,3% về lượng và tăng 38,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021¹.

10 thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Tháng 6/2022		So với tháng 6/2021 (%)		6 tháng năm 2022		So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	137.403	315.338	7,3	26,9	1.018.650	2.298.768	20,7	48,5
Đức	21.413	44.893	19,9	46,6	137.109	293.921	13,9	40,6
Bỉ	6.493	14.396	44,3	75,9	92.172	193.602	226,5	303,0
Ý	11.192	23.497	-1,6	21,4	77.143	167.853	13,5	46,7
Hoa Kỳ	11.030	26.415	26,1	48,7	61.613	151.382	1,3	27,4
Nhật Bản	8.217	20.768	-2,0	22,7	60.791	153.270	5,3	38,6
Tây Ban Nha	8.178	17.606	15,4	31,2	54.175	120.028	47,5	75,0
Nga	11.741	26.895	42,5	58,0	48.260	109.867	16,1	33,9
Anh	1.135	2.357	-51,9	-48,1	30.609	61.911	102,0	138,9
Phi-líp-pin	3.635	9.733	-16,6	-12,7	28.158	82.254	-5,7	11,3
Trung Quốc	3.056	10.284	-23,0	-9,6	21.450	65.296	-23,9	1,9
Thị trường khác	51.313	118.493	0,4	20,7	407.170	899.383	14,0	42,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Theo công ty phân tích GlobalData (công ty phân tích dữ liệu hàng đầu thế giới có trụ sở tại Anh), thị trường cà phê nóng của Nhật Bản được dự báo sẽ đạt tốc độ tăng trưởng bình quân là 4,2% trong giai đoạn 2020 – 2025.

¹ Số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Ngành cà phê được khuyến nghị tập trung vào phát triển các sản phẩm cà phê chế biến như cà phê rang xay và cà phê hòa tan nhằm gia tăng giá trị và giá trị xuất khẩu cà phê sang các thị trường quốc tế, bao gồm Nhật Bản, trong tương lai.



3.3. Gỗ và sản phẩm gỗ

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Nhật Bản, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản trong 4 tháng năm 2022 đạt 264,8 nghìn tấn, trị giá 96,4 tỷ Yên (tương đương 756,8 triệu USD), giảm 9,1% về lượng nhưng tăng 7,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Nhật Bản nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ thị trường Việt Nam đạt 67 nghìn tấn, trị giá 23,1 tỷ Yên (tương đương 181,4 triệu USD), giảm 11,6% về lượng và tăng 7,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 25,3% tổng lượng nhập khẩu, giảm 0,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021.

Tác động từ xung đột giữa Nga và Ukraina khiến chi phí nguyên liệu đầu vào, vận chuyển tăng tại các thị trường cung cấp đồ nội thất cho Nhật Bản. Việc này cũng đã tác động đến hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản những tháng đầu năm 2022. Tuy nhiên, theo các chuyên gia, nhu cầu nhập khẩu và tiêu thụ đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản dự kiến tăng trưởng khả quan trong thời gian tới, nhờ nhu cầu chuẩn bị sửa sang thay thế các sản phẩm nội thất trong nhà hàng, khách sạn, ... tăng mạnh do kế hoạch của mở cửa du lịch theo nhóm nhỏ của Nhật Bản vào cuối tháng 5/2022, trước khi mở cửa hoàn toàn.

Bên cạnh đó, thị trường nhà ở tại Nhật Bản trong 3 tháng đầu năm 2022 tăng 6% so với cùng kỳ năm 2021; trong tháng 5/2022, chỉ số tiêu dùng cá nhân khởi sắc, tiêu dùng cá nhân nhiều khả năng sẽ tiếp tục phục hồi, đặc biệt khi người dân có thể tự do đi lại sau khi các quy định phòng dịch được dỡ bỏ hoàn toàn; tỷ lệ thất nghiệp giảm, nhu cầu tuyển dụng trong các lĩnh vực sản xuất, nhà hàng, ... ngày càng tăng.

Tiềm năng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ sang thị trường Nhật Bản là rất lớn bởi Nhật Bản là thị trường có sức tiêu thụ lớn, với dân số gần 126 triệu người và thu nhập bình quân đầu người khoảng 43.000 USD/năm.

Mặt khác, Nhật Bản đã trở thành một trong những thị trường năng lượng tái tạo lớn nhất thế giới, với tiềm năng tăng trưởng khả quan. Sự tập trung vào năng lượng tái tạo được tăng cường sau trận động đất và sóng thần tháng 3/2011 làm hư hại nhà máy điện hạt nhân Fukushima Daiichi. Các động thái đầu tư và quyết định đóng cửa hầu hết các lò phản ứng hạt nhân của Nhật Bản đã khiến việc phát triển năng lượng tái tạo tăng trưởng ổn định. Chính vì vậy, Nhật Bản có nhu cầu nhập khẩu lớn đối với mặt hàng dăm gỗ².

Chủng loại đồ nội thất bằng gỗ nhập khẩu của Nhật Bản Q1/2022

Mã HS	Mặt hàng	Tổng nhập khẩu từ thế giới		Nhập khẩu từ Việt Nam	
		Kim ngạch (triệu USD)	So với Q1/2021 (%)	Kim ngạch (triệu USD)	So với Q1/2021 (%)
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	316,56	-0,57	66,89	-6,70
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	70,0	-0,16	23,47	-6,05
940340	Đồ nội thất nhà bếp	40,74	-4,43	13,76	-11,55
940330	Đồ nội thất văn phòng	6,98	-4,19	0,07	-71,49
940161 + 940169	Ghế khung gỗ	186,13	1,21	41,26	9,36

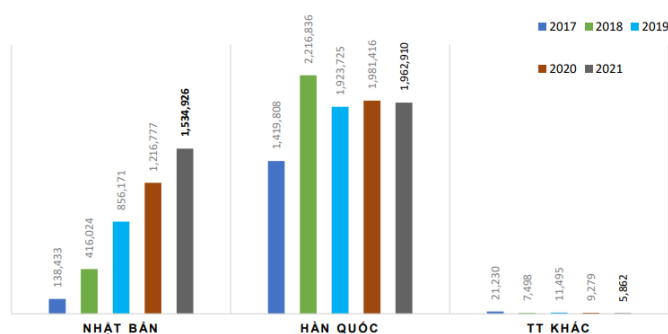
Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

² Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam

Bên cạnh các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, viên nén là mặt hàng mới nổi của ngành chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam. Sản xuất và xuất khẩu mặt hàng này mở rộng rất nhanh trong khoảng 5 năm trở lại đây. Đến nay, Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu viên nén lớn thứ 2 trên thế giới (chỉ sau Hoa Kỳ). Cùng với Hàn Quốc, Nhật Bản là một trong hai thị trường tiêu thụ viên nén của lớn nhất của Việt Nam.

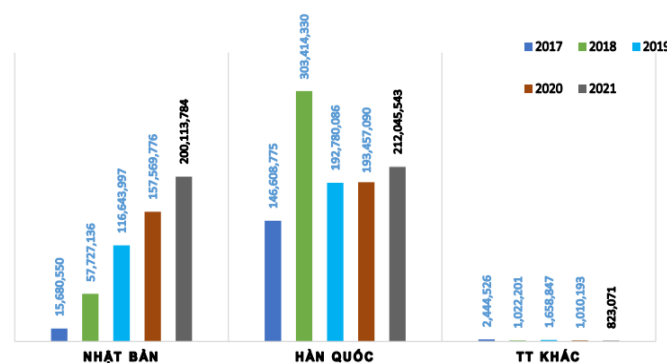
Lượng viên nén xuất khẩu của Việt Nam

theo thị trường, 2017 - 2021 (Tấn)



Kim ngạch xuất khẩu viên nén của Việt Nam

theo thị trường, 2017 - 2021 (USD)



Nguồn: Bản tin Viên nén – mặt hàng mới nổi của Việt Nam và một số khía cạnh cần quan tâm, VIFOREST và Forest Trends

Xét về khía cạnh động lực và tốc độ tăng trưởng, thị trường Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng mạnh và ổn định hơn rất nhiều so với thị trường Hàn Quốc. Theo một số doanh nghiệp trong ngành, trong tương lai nhu cầu viên nén tại thị trường Nhật Bản sẽ tăng lên khoảng 3 lần so với hiện tại. Viên nén của Việt Nam có cơ hội mở rộng thị trường rất lớn tại đây.

Đến nay, một số nhà nhập khẩu từ Nhật Bản yêu cầu viên nén từ Việt Nam cần có chứng chỉ FSC – chứng chỉ đảm bảo nguồn gỗ nguyên liệu đưa vào làm viên nén có nguồn gốc từ các diện tích rừng được quản lý bền vững. Các nhà nhập khẩu yêu cầu viên nén có chứng chỉ thường là các hãng lớn.

Mặc dù theo đuổi chính sách thương mại tự do cắt giảm thuế quan theo lộ trình từ các hiệp định thương mại, nhưng Nhật Bản vẫn áp dụng các cơ chế phi thuế quan nhằm bảo hộ ngành sản xuất trong nước.

Trong các rào cản như vậy, Chính phủ Nhật Bản thường đưa những lý do chính đáng như bảo vệ các ngành sản xuất trong nước trước những hành động thương mại không lành mạnh (chống bán phá giá, chống trợ cấp), bảo vệ an toàn sức khỏe con người, an toàn môi trường, ... Do đó, doanh nghiệp cần phải nắm bắt được nhu cầu, sản xuất sản phẩm có chất lượng tốt đáp ứng đúng các yêu cầu và quy định của thị trường Nhật Bản.

Đáng chú ý, nếu chất lượng của một sản phẩm đã được thị trường Nhật Bản chấp thuận thì sản phẩm đó hoàn toàn có thể cạnh tranh tốt được ở các thị trường khác. Bên cạnh đó, thị hiếu tiêu dùng của người Nhật Bản rất đa dạng, coi trọng chất lượng và tính tiện dụng của sản phẩm nhằm đáp ứng mọi nhu cầu trong cuộc sống hàng ngày. Vì vậy, các doanh nghiệp cần nghiên cứu tìm hiểu rõ về thị hiếu của người tiêu dùng, từ đó đa dạng hóa mẫu mã, hình thức sản phẩm, cùng với việc tìm cách nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành.

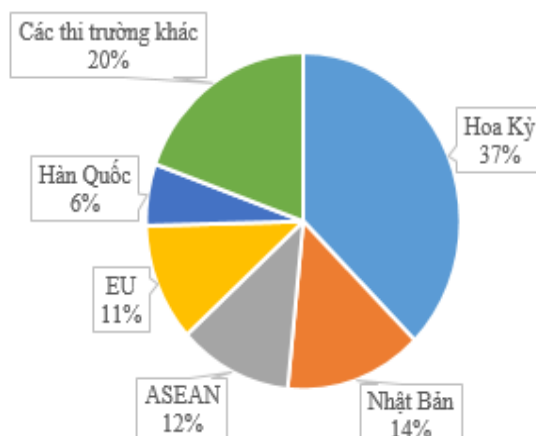
Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam khuyến nghị các doanh nghiệp cũng cần tận dụng hiệu quả các cam kết trong các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam và Nhật Bản cùng là thành viên như: Hiệp định Đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), ... Điều này sẽ thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu gỗ của Việt Nam trong thời gian tới tại thị trường Nhật Bản.

3.4. Nhựa và sản phẩm nhựa

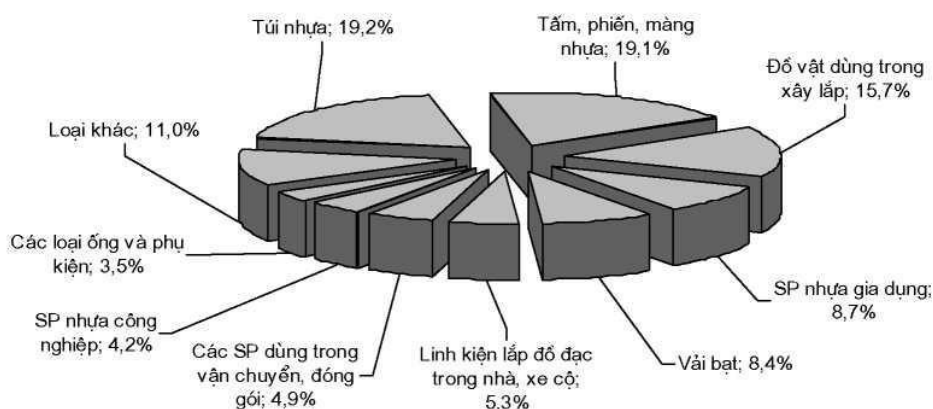
Trong giai đoạn hiện nay, nhựa Việt Nam đang được hưởng lợi từ nhu cầu dịch chuyển đầu tư, kinh doanh của các tập đoàn đa quốc gia. Xuất khẩu sản phẩm nhựa năm 2021 đã cán mốc xấp xỉ 5 tỷ USD và dự báo tiếp tục tăng trưởng trên 20% trong năm 2022 nhờ quy mô ngành phình to, đón nhiều đơn hàng lớn.

Nếu tính cả xuất khẩu nguyên liệu nhựa đạt 2,26 tỷ USD, tăng 68% so với năm 2020, thì năm 2021, ngành nhựa đóng góp 7,19 tỷ USD vào tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong đó, Nhật Bản là thị trường nhập khẩu nhựa lớn thứ hai của Việt Nam với kim ngạch đạt 696,9 triệu USD, tăng 3,55% và chiếm tỷ trọng 14,13%, đứng trên cả các thị trường lớn như khu vực ASEAN (575,8 triệu USD) hay thị trường EU (557,7 triệu USD).

Xuất khẩu nhựa Việt Nam sang một số thị trường chính năm 2021



Trong năm 2022, triển vọng cho ngành nhựa rất thuận lợi nhờ 15 hiệp định thương mại tự do (FTA) đã thực thi như CPTPP, EVFTA, RCEP, giúp mở ra cơ hội thu hút đầu tư không chỉ ở các nước đối tác FTA, mà cả các nước khác. Quy mô sản xuất ngành nhựa cũng được mở rộng ngày càng lớn nhờ hoạt động đầu tư mạnh mẽ của khối doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước, cùng xu hướng dịch chuyển sản xuất các dòng sản phẩm xanh, thân thiện môi trường. Việt Nam đang dần trở thành cứ điểm sản xuất, đón nhận tín hiệu tích cực về đơn đặt hàng xuất khẩu từ các thị trường nhập khẩu lớn thay thế cho Trung Quốc do chính sách “zero Covid” của nước này. Tuy giá nguyên liệu hạt nhựa đang ghi nhận tăng mạnh khiến các doanh nghiệp ngành nhựa gặp nhiều khó khăn, xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam ít nhất là trong 9 tháng đầu năm 2022 vẫn được dự báo sẽ tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021. Điều này được lý giải do nhu cầu nhập khẩu các mặt hàng túi nhựa; tấm, phiến, màng nhựa ở các thị trường đều ở mức cao.



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu mặt hàng, quý I/ 2022, ba sản phẩm nhựa xuất khẩu lớn nhất đều đạt trên 200 triệu USD là túi nhựa; tấm, phiến, màng nhựa và đồ dùng trong xây lắp với tổng kim ngạch xuất khẩu của 3 sản phẩm nhựa này chiếm tới 54% tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa. Túi nhựa vẫn là sản phẩm nhựa xuất khẩu lớn nhất, chiếm 19,2% tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa, đạt 263,6 triệu USD tăng 28,3% so với cùng kỳ năm 2021. Túi nhựa được xuất khẩu nhiều nhất tới 5 thị trường Nhật Bản, Mỹ, Đức, Hà Lan và Anh với kim ngạch xuất khẩu đều đạt trên 15 triệu USD.

Sản phẩm nhựa gia dụng xuất khẩu lớn thứ 4 trong 3 tháng đầu năm 2022, đạt 119,5 triệu USD, chiếm 8,7% tổng kim ngạch xuất khẩu. So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu sản phẩm nhựa này tăng 19,2%. Sản phẩm nhựa này xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Mỹ và Nhật Bản trong 3 tháng.

Một sản phẩm nhựa khác xuất khẩu tăng trong 3 tháng đầu năm 2022 là vải bạt, đạt 115,5 triệu USD, chiếm 8,4% tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa. So với cùng kỳ năm 2021, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa vải bạt tăng 20,3%. Sản phẩm này xuất khẩu nhiều nhất đến thị trường Mỹ và Nhật Bản trong 3 tháng.

**Một số mặt hàng sản phẩm nhựa Nhật Bản nhập khẩu từ Việt Nam
trong tháng 5/2022**

Mã HS	Tên mặt hàng	Nhập khẩu từ Việt Nam (nghìn USD)	Tổng nhập khẩu từ thế giới (nghìn USD)	Thị phần (%)
392321	Bao và túi (kể cả loại hình nón) từ polyme từ etylen	23.062	104.029	22,17
392690	Các sản phẩm từ nhựa và các sản phẩm từ vật liệu khác từ mã HS 3901 đến 3914	17.038	246.891	6,9
390761	Poly (etylen terephthalat) dạng nguyên sinh, có chỉ số độ nhớt từ 78 ml/g trở lên	9.169	103.578	8,85
390230	Copolyme propylen dạng nguyên sinh	9.044	41.007	22,05
392610	Đồ dùng văn phòng và thiết	7.447	19.958	37,31

Mã HS	Tên mặt hàng	Nhập khẩu từ Việt Nam (nghìn USD)	Tổng nhập khẩu từ thế giới (nghìn USD)	Thị phần (%)
	bị trường học			
392620	Các sản phẩm trang sức và phụ kiện quần áo được sản xuất từ chất dẻo kết dính như găng tay, găng thi đấu quyền anh...	6.805	45.457	14,97
392490	Sản phẩm gia dụng & sản phẩm phục vụ vệ sinh, bằng nhựa (ngoại trừ vật dụng bàn ăn, nhà bếp, nhà tắm,...)	2.613	31.247	8,36%
392330	Bình, chai, lọ, bình thốt cổ và các sản phẩm đóng gói tương tự	3.037	25.692	11,82
392190	Tấm, phiến, phim, màng, lá và dải khác bằng nhựa	1.882	17.249	10,91
392390	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng nhựa (ngoại trừ hộp, hòm, thùng)	1.768	18.005	9,81
392010	Tấm, phiến nhựa, không xốp, chưa được gia cố, từ polyme từ etylen	1.709	52.676	3,24
391732	Ống nhựa dẻo, ống nhựa và ống nhựa mềm chưa được gia cố hoặc kết hợp với các vật liệu khác	1.456	10.016	14,53
391729	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng nhựa (ngoài polyme từ etylen, propylen)	1.375	5.128	26,81

(Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế - ITC)

IV. HƯỚNG DẪN GIAO THƯƠNG TẠI NHẬT BẢN

1. Thủ tục thành lập công ty tại Nhật Bản

1.1. Một số loại hình công ty tại Nhật Bản

Ưu điểm của tổ chức công ty là: (1) nâng cao độ tin cậy hơn so với cá thể thông qua việc thành lập pháp nhân, (2) trong loại hình kinh doanh cá thể, chủ kinh doanh cá thể phải chịu toàn bộ trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh, đối với pháp nhân, ví dụ công ty cổ phần thì người đầu tư sẽ chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn do mình bỏ ra nên dễ huy động vốn hơn, (3) đánh thuế theo mức thuế suất cho pháp nhân, dễ tính toán chi phí cần thiết hơn.

Khái quát về mỗi loại công ty như sau:

Công ty cổ phần: là loại hình công ty được áp dụng phổ biến nhất, được nhiều người biết đến. Hơn nữa, cơ chế vốn tối thiểu cũng được hủy bỏ nên cho dù nguồn vốn chỉ có 1 Yên cũng vẫn có thể thành lập được, do đó 1 người cũng có thể dễ dàng thành lập được công ty cổ phần. Ngoài ra, trong trường hợp nhiều người cùng bỏ vốn tiến hành hoạt động kinh doanh hoặc trong trường hợp người đầu tư và người kinh doanh là khác nhau thì đây vẫn là loại hình công ty thích hợp hơn cả.

Công ty hợp danh: là loại hình công ty gần với hình thức một tổ chức nhất, phù hợp với hoạt động kinh doanh quy mô nhỏ vài người. Là công ty được thành lập với chỉ những thành viên có trách nhiệm vô hạn chịu trách nhiệm vô hạn trực tiếp, theo luật cũ số lượng thành viên cần thiết là từ 2 người trở lên, nhưng hiện nay cho dù chỉ 1 thành viên thì vẫn có thể thành lập và tồn tại được.

Công ty hợp danh hữu hạn: là loại hình công ty để tiến hành hoạt động kinh doanh quy mô nhỏ, điểm khác biệt với công ty hợp danh là công ty hợp danh hữu hạn được thành lập bởi thành viên trách nhiệm hữu hạn chỉ chịu trách nhiệm trong giới hạn vốn góp và thành viên trách nhiệm vô hạn.

Công ty trách nhiệm hữu hạn: là loại hình công ty mới theo luật doanh nghiệp. Công ty này được thành lập chỉ bởi thành viên trách nhiệm hữu hạn, được công nhận quyền tự trị nội bộ trong cơ cấu tổ chức.

Về thủ tục thành lập khác nhau tùy theo loại hình công ty, liên hệ cơ quan liên quan để biết thêm chi tiết (Bộ tư pháp (Luật công ty): <http://www.moj.go.jp/>).

1.2. Các thủ tục thành lập công ty tại Nhật Bản

Thông thường thủ tục thành lập công ty tại Nhật Bản gồm các bước sau:

(a) Quyết định thành viên sáng lập

Quyết định người sáng lập, hoặc ban quản trị khi thành lập công ty. Số lượng thành viên ban quản trị phải từ 1 người trở lên.

(b) Quyết định nội dung hoạt động, tên công ty, địa điểm

Quyết định nội dung, mục đích hoạt động của công ty, tên công ty. Nội dung, mục đích hoạt động, sau đó cũng cần phải ghi vào trong cả điều lệ hoạt động (đây là văn bản quy định về cơ cấu tổ chức, hoạt động của công ty, do đó là văn bản quan trọng nhất trong hồ sơ thành lập công ty). Địa điểm công ty thường là vị trí tổ chức hoạt động kinh doanh hoặc lấy nhà riêng của người kinh doanh là trụ sở chính.

(c) Tạo lập điều lệ và chứng nhận công chứng viên

Tạo lập điều lệ và ghi chép tên công ty (khi cần thiết có thể Vụ tư pháp sẽ điều tra tên công ty giống nhau), địa điểm cơ sở chính, mục đích (nội dung hoạt động kinh doanh), tổng vốn đầu tư. Về việc ghi chép, có giới hạn về các cách thể hiện khác nhau, ví dụ như mục đích kinh doanh thì phải ghi chính xác rõ ràng và cụ thể. Điều lệ sau khi được lập thì phải có chứng nhận bởi công chứng viên.

(d) Thanh toán tiền vốn góp, giữ chứng nhận thanh toán
Thanh toán tiền vốn góp cho cơ quan tài chính đã giao dịch, nếu là thành lập theo hình thức phát hành cổ phiếu thì yêu cầu cấp chứng nhận đã thanh toán.

(e) Lập hồ sơ xin đăng ký

Khi xin đăng ký thành lập, cần có các giấy tờ như đơn xin đăng ký, biên bản thỏa thuận của người sáng lập, bản nghị quyết ban quản trị và địa điểm trụ sở chính, biên bản phê duyệt ban quản trị, giấy chứng nhận đăng ký con dấu,....

(f) Xin đăng ký thành lập công ty

Nộp đơn xin đăng ký kèm các giấy tờ đã tạo lập ở mục (e) cùng với bản điều lệ cho Sở Tư pháp.

(g). Khai báo với phòng thuế

Trong vòng 2 tháng kể từ khi thành lập công ty phải nộp các giấy tờ sau lên phòng thuế nơi quản lý: (1) Tờ khai thành lập công ty, chậm nhất trong vòng 3 tháng hoặc trước ngày quyết toán quý 1 tùy vào ngày đến trước; (2) Đơn xin phê duyệt khai báo màu xanh. Trong trường hợp trụ sở chính có địa điểm nằm trong 23 quận của Tokyo thì trong vòng 15 ngày phải nộp “Tờ khai bắt đầu hoạt động kinh doanh” lên Văn phòng thuế thành phố Tokyo, trong trường hợp ngoài 23 quận của Tokyo thì trong vòng 1 tháng phải nộp “Tờ khai thành lập pháp nhân” lên Văn phòng thuế trực thuộc thành phố, tỉnh và cơ quan hành chính khu vực thành phố, thị trấn, xã. Về thuế gồm có thuế pháp nhân, thuế cư trú pháp nhân, thuế kinh doanh và tùy từng trường hợp phải đóng thuế tiêu dùng. Ngoài ra phải nhanh chóng nộp các loại tờ khai liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm lao động lên Văn phòng lao động xã hội hoặc Văn phòng ổn định nghề nghiệp công cộng, Văn phòng Giám sát tiêu chuẩn lao động. Hồ sơ cần thiết cũng như chi phí liên quan đến thủ tục thành lập hoặc sau khi thành lập khác nhau tùy theo loại hình công ty. Chi tiết về việc đăng ký xin liên hệ với Sở Tư pháp, Cơ quan hành chính; chi tiết về việc khai báo bắt đầu hoạt động kinh doanh xin liên hệ với phòng thuế, khai báo liên quan đến bảo hiểm xã hội hãy liên hệ với Văn phòng lao động xã hội, khai báo liên quan đến lao động thì liên hệ với Văn phòng ổn định nghề nghiệp công cộng, Văn phòng Giám sát tiêu chuẩn lao động để có thông tin chi tiết.



2. Hướng dẫn tiếp cận thị trường Nhật Bản qua kênh thương mại điện tử

Nhật Bản liên tục đứng thứ 3 trong top 5 thị trường thương mại điện tử (TMĐT) lớn nhất thế giới. Không chỉ vậy, thị trường TMĐT Nhật Bản là một trong những thị trường phát triển nhanh nhất trên toàn cầu, được thúc đẩy bởi một nền kinh tế rất phát triển, dân số đô thị hóa cao, mức độ thâm nhập Internet cao và văn hóa đa dạng. Đây chính là dư địa lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận thị trường này qua kênh TMĐT. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cần lưu ý một số vấn đề sau khi thực hiện kinh doanh thông qua TMĐT xuyên biên giới:

- Bán hàng xuyên biên giới ở Nhật Bản đòi hỏi các doanh nghiệp nỗ lực hơn so với các quốc gia khác vì chỉ có 10% mua sắm trên các website nước ngoài. Do đó, nếu doanh nghiệp có chiến lược thu hút người mua vào website của mình thì cần làm việc với bên thứ ba (là doanh nghiệp địa phương) để thiết kế cửa hàng và quản lý bản dịch.

- Nghiên cứu gia nhập thị trường

+ *Nghiên cứu thị trường*

Lựa chọn một thị trường phù hợp là rất quan trọng để đảm bảo thành công trong bán hàng và giao hàng hoàn hảo sau này. Nhật Bản không phải là quê hương của nhiều nền tảng Thương mại điện tử như Trung Quốc. Để khởi đầu trong việc bán hàng qua nền tảng thương mại điện tử thì Rakuten và Amazon là hai lựa chọn tối ưu nhất.

Amazon Nhật Bản

Amazon Nhật Bản là một trong những lựa chọn phổ biến nhất đối với người bán hàng nước ngoài tại Nhật Bản. Lợi ích của việc bán hàng trên Amazon là các hướng dẫn, tài liệu và hỗ trợ đều có sẵn bằng tiếng Anh. Doanh nghiệp cũng có thể sao chép cửa hàng của mình trên nhiều thị trường.

Nhờ Fulfillment-By-Amazon (FBA), người gửi hàng có thể sử dụng các giải pháp end-to-end và quản lý việc giao hàng nhanh chóng tới người tiêu dùng cuối cùng.

Nếu doanh nghiệp có tài khoản ngân hàng Nhật Bản, Amazon có thể ghi có trực tiếp vào tài khoản của doanh nghiệp tại địa phương hoặc cũng có thể chuyển đổi doanh thu bằng đồng Yên sang tài khoản ngân hàng của doanh nghiệp ở nước ngoài.

Rakuten

Rakuten được ra mắt vào đầu năm 1997 và là nền tảng Thương mại điện tử nổi tiếng nhất tại Nhật Bản. Rakuten chấp nhận cả người bán địa phương và xuyên biên giới. .

+ Thiết lập chi phí

Khi doanh nghiệp lập một kế hoạch thâm nhập thị trường thì phải ước tính chi phí thiết lập để hiểu được gánh nặng tài chính. Chi phí thiết lập có thể rất lớn vì thường sẽ bao gồm nhiều hoạt động tiếp thị, thành lập và phân tích thị trường ban đầu của các bên thứ ba.

Các chi phí sau đây phải được bao gồm ở mức tối thiểu:

- Phí đăng ký nhãn hiệu
- Phân tích thị trường
- Phí tiếp thị
- Chi phí cho các cơ quan Thương mại điện tử
- Ký quỹ cho các trung tâm thực hiện và các đối tác liên quan
- Bản dịch
- Đăng ký và kiểm tra

+ Nghiên cứu phân tích chi phí đối thủ cạnh tranh

Bằng cách tiến hành phân tích đối thủ cạnh tranh, doanh nghiệp sẽ hiểu rõ hơn về tỷ suất lợi nhuận và sự cạnh tranh trên thị trường. Doanh nghiệp có thể thực hiện phân tích giá cơ bản bằng cách kiểm tra sản phẩm của đối thủ cạnh tranh trong siêu thị hoặc trên các trang website thương mại điện tử.

- Vận chuyển & Logistics

Nếu doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa đến Nhật Bản và bán chúng tại địa phương, thì lựa chọn tốt nhất là vận chuyển hàng hóa với số lượng lớn và lưu trữ chúng tại một trung tâm thực hiện tại địa phương.

Ví dụ, người bán xuyên biên giới có thể lưu trữ sản phẩm của họ trong kho ngoại quan ở Nhật Bản hoặc quản lý việc giao hàng từ một trung tâm thực hiện ở Hồng Kông. Amazon Nhật Bản cung cấp khả năng thực hiện ngay trong nhà được sử dụng rộng rãi giữa các thương gia.

Ngoài những lưu ý nói trên thì doanh nghiệp cũng cần tìm hiểu và nắm rõ Luật giao dịch thương mại đặc biệt:

<https://www.cas.go.jp/jp/seisaku/hourei/data/ASC.pdf> . Theo đó, doanh nghiệp cần quan tâm đến việc:

- Kiểm tra sự cần thiết phải xin giấy phép

Trước hết, dù là cửa hàng thông thường hay cửa hàng bán qua mạng, doanh nghiệp cần phải xác nhận xem các sản phẩm mình bán có thuộc diện phải được phê duyệt và cấp phép khi bán hàng không (ví dụ đồ uống có cồn, dược phẩm, vv...).

Đối với đồ uống có cồn, việc bán tại cửa hàng trực tuyến được coi là một loại bán hàng qua thư điện tử, vì vậy ngoài giấy phép bán hàng của cửa hàng doanh nghiệp cần phải xin “Giấy phép bán lẻ qua thư điện tử”. Đề nghị liên hệ với cơ quan thuế có thẩm quyền nơi cửa hàng đóng trụ sở để biết thêm thông tin chi tiết.

- Hướng dẫn giao dịch thương mại điện tử trong kinh doanh bán hàng qua thư điện tử

Dựa trên Luật Giao dịch thương mại đặc biệt (Luật về giao dịch thương mại đặc biệt) và các pháp lệnh liên quan khác, Hiệp hội bán hàng trực tuyến Nhật Bản (JADMA) đã đưa ra Hướng dẫn cơ bản mà các nhà bán lẻ trực tuyến phải tuân thủ, các nhà bán hàng trực tuyến phải hiển thị các mục sau đây một cách rõ ràng ở một nơi thích hợp:

* Tên công ty, tên giao dịch thương mại, tên cửa hàng;

* Tên người đại diện hoặc người được cho là có trách nhiệm đối với công việc được hiển thị;

* Địa chỉ các địa điểm kinh doanh lớn, số điện thoại, số fax, địa chỉ e-mail chắc chắn liên hệ được;

* Trường hợp có Giấy chứng nhận (Giấy phép) liên quan đến Luật kinh doanh ngành nghề đó thì ghi rõ nội dung giấy phép;

* Giá bán của các sản phẩm, các chi phí ngoài giá bán (ghi rõ chi phí vận chuyển, lệ phí,... bằng số tiền cụ thể);

* Thời gian giao hàng (thời gian hoặc thời hạn)

* Điều kiện trả hàng;

* Thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán.

- Những điểm cần lưu ý khi thể hiện quảng cáo

Điểm mấu chốt của bán hàng qua mạng là bạn phải chú ý đầy đủ đến việc thể hiện quảng cáo. Cửa hàng trực tuyến không giống như các cửa hàng bình thường khác ở chỗ người mua hàng không thể nhìn thấy hiện vật hay sờ vào hiện vật, vì vậy, người bán hay có xu hướng phóng đại khi nói về sản phẩm cho thêm phần hấp dẫn. Doanh nghiệp không được sử dụng các biểu hiện làm cho người tiêu dùng dễ hiểu lầm là hàng tốt hơn thực tế hoặc là họ có lợi hơn thực tế. Ngoài ra, nếu doanh nghiệp muốn tuyên truyền về chất lượng tốt của sản phẩm, hãy cẩn thận để tránh các biểu hiện quảng cáo thổi phồng. Đối với các quảng cáo cho thực phẩm sức khỏe và thực phẩm chức năng.



3. Một số lưu ý khi xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Nhật Bản

3.1. Lưu ý chung

Nhằm xuất khẩu hàng hóa sang Nhật Bản thành công, các doanh nghiệp cần chú ý một số vấn đề sau:

Một là, xác định chất lượng hàng hóa là yếu tố tiên quyết. Nhật Bản hiện là đối tác xuất khẩu lớn thứ 4 và là thị trường nhập khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam. Từ năm 2012 đến năm 2021, kim ngạch xuất nhập khẩu 2 chiều tăng từ 24,7 tỷ USD lên 42,8 tỷ USD. Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản đa dạng các mặt hàng, trong đó có sản phẩm chế biến, chế tạo. Một số sản phẩm của Việt Nam đã thâm nhập thành công vào chuỗi phân phối tại Nhật Bản.

Riêng với nông thủy sản, một số mặt hàng đã chiếm thị phần tại Nhật Bản, trong đó chuỗi sấy khô chiếm 78,5%; vải, nhãn, chôm chôm 42,9%; sầu riêng 42,6%.... Tuy nhiên hầu hết là sản phẩm đóng hộp, sấy khô, sản phẩm tươi do hạn chế về năng lực bảo quản, yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng cao, thị phần của hàng Việt còn nhỏ.

Hệ thống phân phối của Nhật Bản khá phức tạp với nhiều tầng bậc. Nhiều siêu thị, nhà bán buôn không nhập khẩu trực tiếp mà mua hàng thông qua các nhà cung ứng. Gần đây, một số doanh nghiệp Nhật Bản như Tập đoàn AEON đã nhập khẩu trực tiếp hàng hoá từ Việt Nam. Để trở thành nhà cung ứng cho những đối tác này, ngoài đáp ứng các tiêu chuẩn chung về chất lượng sản phẩm còn phải đáp ứng tiêu chuẩn riêng của đối tác. Trong khi đó, yêu cầu về chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng hoá nhập khẩu của Nhật Bản rất cao, là thách thức không nhỏ cho doanh nghiệp.

Doanh nghiệp hai bên rất dễ xảy ra tranh chấp nếu nhà cung ứng không kiểm soát chặt chẽ chất lượng hàng hoá ngay từ đầu vào, nhất là với nông sản. Một yếu tố nữa, với các đơn hàng nhỏ, nhà cung ứng Việt Nam đáp ứng rất tốt nhưng khi có đơn hàng lớn, xuất hàng liên tục lại khó đảm bảo chất lượng nguồn hàng. Khi có vấn đề, chi phí thu hồi, xử lý hàng là rất lớn và dễ xảy ra tranh chấp.

Do đó, muốn thâm nhập sâu hơn nữa thị trường Nhật Bản, doanh nghiệp không thể xuất khẩu những sản phẩm sẵn có mà cần nghiên cứu sản xuất loại

hàng hoá phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng cũng như đáp ứng về chất lượng theo tiêu chuẩn của Nhật bản. Bao bì cũng cần bắt mắt, nhãn mác phải đầy đủ thông tin.

Hai là, cần chủ động xác minh thông tin đối tác nhập khẩu. Mặc dù kinh doanh tại Nhật Bản được nhận định có độ an toàn cao hơn so với các thị trường khác nhưng việc xác minh thông tin đối tác là rất cần thiết.

Doanh nghiệp tại Nhật Bản không chỉ do người dân bản địa mà còn có người nước ngoài lấy pháp nhân Nhật Bản làm chủ. Về khía cạnh pháp lý, doanh nghiệp phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước sở tại nhưng hành vi rất “muôn hình vạn trạng”.

Bên cạnh đó, xu hướng toàn cầu hoá, doanh nghiệp có thể hợp tác, cung cấp thông tin qua Internet mà không cần gặp gỡ trực tiếp, do vậy độ rủi ro cao. Qua phương thức này, đối tượng lừa đảo thường cung cấp thiếu thông tin hoặc thông tin không đúng. Do vậy, trong trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam chưa nắm rõ đối tác hoặc đơn hàng xuất khẩu lớn nên thông qua Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản để xác minh thông tin, duy trì trao đổi để khi có sự cố được hỗ trợ kịp thời, giảm thiểu thiệt hại.

Ba là, rào cản ngôn ngữ. Trong kết nối giao thương với đối tác Nhật Bản, ngôn ngữ là rào cản nhất định với doanh nghiệp Việt Nam, cần thiết phải khắc phục. Mặt khác, khi xây dựng hồ sơ giới thiệu sản phẩm, doanh nghiệp nên sử dụng cả tiếng Nhật Bản, tiếng Anh để đối tác thuận lợi nắm được thông tin. Doanh nghiệp cũng nên xây dựng website cung cấp thông tin về sản phẩm, quy mô doanh nghiệp, doanh thu, chứng chỉ tiêu chuẩn chất lượng, bởi đây là những yếu tố cơ bản nhất.



3.2. Lưu ý về thủ tục nhập khẩu hàng hóa vào Nhật Bản

Bất kỳ doanh nghiệp nào muốn nhập khẩu hàng hóa vào Nhật Bản phải thực hiện khai báo với Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan Nhật Bản để được phép nhập khẩu. Giấy phép nhập khẩu sẽ được cấp sau khi cơ quan Hải quan Nhật Bản thực hiện các thủ tục kiểm hóa hàng hóa cần thiết đối với hàng hóa liên quan và các doanh nghiệp nhập khẩu thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh toán thuế hải quan và thuế tiêu thụ đặc biệt. Hiện nay 90% các thủ tục nhập khẩu của Nhật Bản được thực hiện bằng máy tính.

a. Thực hiện khai báo nhập khẩu (Luật Hải quan, Điều 67 khoản 72)

(1) Hoàn thành và nộp khai báo nhập khẩu

- Việc khai báo được thực hiện bằng cách nộp tờ khai báo nhập khẩu (thanh toán thuế hải quan) bao gồm các thông tin về số lượng và giá trị hàng hóa cũng như bất kỳ các yêu cầu đặc biệt khác.

- Hàng hóa xuất khẩu phải được đưa vào khu vực Hải quan (Ho-zei) hoặc kho lưu trữ hàng hóa chỉ định đặc biệt. Tuy nhiên, một số nhóm hàng đặc biệt cần được sự chấp thuận của Tổng cục hải quan và việc khai báo có thể được thực hiện trong khi nhóm hàng này đang trên tàu biển, sà-lan hoặc trước khi được đưa đến khu vực Hải quan (Ho-zei).

(2) Người thực hiện khai báo hải quan

Về nguyên tắc, tờ khai nhập khẩu phải được khai bởi người nhập khẩu, song việc này thường được các đại lý hoặc người được ủy nhiệm thực hiện.

(3) Tài liệu cần nộp (Luật Hải quan Điều 68)

Nhà nhập khẩu phải chuẩn bị 3 bản khai hải quan (theo mẫu C5020 của Hải quan http://www.customs.go.jp/kaisei/youshiki/form_C/C5020.pdf) và nộp cho Hải quan Nhật Bản kèm theo các tài liệu sau:

- Hoá đơn thương mại;
- Vận đơn;

- Giấy chứng nhận xuất xứ - C/O: Hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam có thể làm mẫu AJ, VJ, CPTPP để được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu theo khuôn khổ Hiệp định Thương mại tự do ASEAN-Nhật Bản (AJFTA) , Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam-Nhật Bản (VJEPA); Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).
- Phiếu đóng gói, biên lai cước vận chuyển, giấy chứng nhận bảo hiểm và những giấy tờ liên quan cần thiết khác tùy theo mặt hàng cụ thể
- Giấy phép, giấy chứng nhận, v.v... theo yêu cầu của pháp luật và các quy định khác ngoài Luật Hải quan (khi việc nhập khẩu một số hàng hóa bị hạn chế theo các luật và quy định đó);
- Giấy đề nghị miễn giảm các khoản phí, thuế trong đó mô tả chi tiết các thông tin cần thiết, các quy định, luật liên quan;
- Biên lai thuế hải quan (nếu hàng hóa thuộc diện chịu thuế).

Về nguyên tắc, Hải quan chỉ yêu cầu các tài liệu bổ sung cần thiết phục vụ việc cấp phép.

b. Xác nhận của Luật và các quy định khác

Luật Hải quan là luật cơ bản liên quan đến nhập khẩu. Ngoài ra, tùy thuộc vào loại hàng hóa, có những trường hợp cần phải có giấy phép hoặc phê duyệt để nhập khẩu hàng hóa trước khi tiến hành nhập khẩu. Giấy phép phải được ban hành bởi các cơ quan khác như Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi v.v... tùy theo quy định trong Luật và các quy định khác ngoài Luật Hải quan.

Mục đích của Luật và các quy định này dùng để phân loại, đảm bảo kiểm soát việc nhập khẩu của một số hàng hóa có thể có tác động tiêu cực đến ngành công nghiệp, kinh tế, môi trường, an toàn và đạo đức công cộng.

Những trường hợp được yêu cầu phải xin giấy phép, phê duyệt hoặc vượt qua các kiểm tra nhất định, sẽ phải chứng minh với Hải quan rằng các yêu cầu này đã được đáp ứng trong thủ tục thông quan và được xác nhận bởi các bên liên quan mới được cho phép nhập khẩu.

Các luật và quy định liên quan đến nhập khẩu gồm có:

(1) Luật kiểm soát ngoại hối và ngoại thương

(2) Luật và các quy định liên quan đến hàng cấm

- Luật liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã và săn bắn
- Luật kiểm soát sở hữu súng và kiếm
- Luật kiểm soát chất độc và chất có hại
- Luật Dược
- Luật kiểm soát phân bón
- Luật liên quan đến bình ổn giá đường ăn
- Luật kiểm soát chất cháy nổ
- Luật liên quan đến sàng lọc các chất hóa học và quy định về sản xuất của học, v...v...
- Luật an toàn khí ga áp suất cao

(3) Luật và các quy định liên quan đến kiểm dịch

- Luật vệ sinh an toàn thực phẩm
- Luật kiểm dịch thực vật
- Luật phòng chống lây nhiễm động vật
- Luật phòng chống bệnh đại

(4) Luật pháp và các quy định liên quan đến ma túy

- Luật kiểm soát cần sa
- Luật kiểm soát thuốc kích thích
- Luật kiểm soát ma túy và chất kích thần

- Luật thuốc phiện

c. Các loại hàng hóa bị cấm

- Heroin, cocaine, MDMA, thuốc phiện, cần sa, chất kích thích, chất kích thần và các loại thuốc gây nghiện khác (trừ các loại được chỉ định bởi Pháp lệnh của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi);
- Súng (súng lục, v.v.), đạn (đạn) và các bộ phận của súng;
- Chất nổ (thuốc nổ, thuốc súng, v.v.);
- Vật liệu tiền chất cho vũ khí hóa học;
- Vi trùng có khả năng được sử dụng cho khủng bố sinh học;
- Tiền giả, thay đổi, hoặc tiền giả, tiền giấy, tiền giấy hoặc chứng khoán và thẻ tín dụng giả mạo;
- Sách, hình vẽ, chạm khắc và bất kỳ đồ vật nào khác có thể gây tổn hại đến an toàn hoặc đạo đức công cộng (tài liệu tục tĩu hoặc vô đạo đức, ví dụ: nội dung khiêu dâm);
- Nội dung khiêu dâm trẻ em; hàng hóa vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

V. THÔNG TIN GIAO THƯƠNG

1. Cơ hội giao thương từ các doanh nghiệp nhập khẩu Nhật Bản

STT	Cơ hội giao thương	Liên hệ	Ghi chú
1	<p>Hệ thống siêu thị OK của Nhật Bản cần nhập khẩu dầu gạo từ Việt Nam thông tin như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tên mặt hàng : dầu gạo (Rice-bran oils) + Mong muốn nhập khẩu từ các công ty có kinh nghiệm xuất khẩu sang Nhật Bản + Đóng gói: đựng trong chai khối lượng từ 600g – 1650g + Giá mong muốn loại 600g khoảng 240 Yên + Một năm nhập khoảng 22,000 chai. 	<p>Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản; email: jp@moit.gov.vn</p>	<p>Doanh nghiệp tải mẫu đăng ký theo link sau:</p> <p>http://vietnamexport.com/default.aspx?page=news-detail&id=800a8afb-c98f-4e99-96be-d107e04e0556</p>
2	<p>Một doanh nghiệp Nhật Bản có nhu cầu tìm mua và nhập khẩu lượng lớn dăm gỗ của Việt Nam.</p> <p>Thông tin cụ thể:</p>	<p>Chi nhánh Thương vụ Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản.</p> <p>Email: osaka@moit.gov.vn</p>	<p>Doanh nghiệp có khả năng cung ứng và có nhu cầu kết nối giao thương vui lòng gửi thông tin giới thiệu về năng lực, báo giá cùng danh thiếp của cán bộ bán hàng/</p>

STT	Cơ hội giao thương	Liên hệ	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Dăm gỗ keo lai và dăm gỗ bạch đàn: tiêu chuẩn xuất khẩu được sử dụng trong sản xuất giấy - Loại dăm kích thước >40mm chiếm tối đa 5% - Loại dăm kích thước từ 9.5mm – 40mm chiếm 85% - Loại dăm kích thước từ 4.8mm – 9.5mm chiếm 6% - Loại dăm kích thước <4.8mm chiếm 3% - Loại thối rữa và vụn vỏ cây chiếm 1% - Độ ẩm: 20% (BDMT) - Số lượng: 40.000 tấn dăm gỗ keo lai và 20.000 tấn dăm gỗ bạch đàn 	quyenhabct@gmail.com	<p>đại diện liên hệ tới Chi nhánh Thương vụ Osaka.</p> <p>Link tải mẫu đăng ký:</p> <p>https://docs.google.com/forms/d/1pspfOYJSQwAY6HB6C4bm46Pg3rt1UOHG4SFgLPdCImQ/edit</p>
3	Một doanh nghiệp Nhật Bản có trụ sở tại Osaka hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu và phân phối thực phẩm và nguyên liệu các loại đang có	Chi nhánh Thương vụ Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản.	Doanh nghiệp có khả năng cung ứng và có nhu cầu kết nối giao thương vui lòng gửi thông tin giới

STT	Cơ hội giao thương	Liên hệ	Ghi chú
	<p>nhu cầu tìm mua và nhập khẩu sản phẩm chuối sấy tằm gia vị của Việt Nam. Chi tiết sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuối sấy tằm gia vị: Sản phẩm tương tự như file đính kèm. Nhu cầu mua tạm thời dự kiến 1 cont 20ft (hiện công ty đang nhập khẩu từ Philippines với lượng 150 tấn/năm). - Hạt điều không vỏ, chưa rang, chưa qua chế biến. - Đóng gói để phân phối buôn: bịch 1kg hoặc thùng - Yêu cầu: nhà máy có chứng chỉ về vệ sinh ATTP như GMP, HCCP; sản phẩm chuối sấy hoặc điều là sản phẩm thế mạnh của công ty. 	<p>Email: osaka@moit.gov.vn/ quyenhabct@gmail.com</p>	<p>thiệu về năng lực, báo giá cùng danh thiếp của cán bộ bán hàng/ đại diện liên hệ tới Chi nhánh Thương vụ Osaka.</p> <p>Link tải mẫu đăng ký: https://docs.google.com/forms/d/1pspfOYJSQwAY6HB6C4bm46Pg3rt1UOHG4SFgLPdClMQ/edit</p>

2. Thông tin hội chợ triển lãm tại Nhật Bản

STT	Tên hội chợ	Thời gian/Địa điểm	Ngành hàng	Website	Ghi chú
1	Fashion World Tokyo 2022	Thời gian: 18/10 - 20/10/2022 Địa điểm: Trung tâm triển lãm quốc tế Tokyo	Dệt may Giày dép	https://www.fashion-tokyo.jp/autumn/en-gb.html	Triển lãm thương mại thời trang quốc tế lớn nhất Nhật Bản với 750 gian hàng từ khắp nơi trên thế giới, giới thiệu các sản phẩm dệt may, giày dép, vải nguyên liệu, phụ kiện dệt,...

STT	Tên hội chợ	Thời gian/Địa điểm	Ngành hàng	Website	Ghi chú
2	Japan Home Building Show 2022	Thời gian: 26/10 - 28/10/2022 Địa điểm: Sảnh Đông, Trung tâm Triển lãm Quốc tế Tokyo)	Vật liệu xây dựng,	http://www.jma.or.jp/homeshow/tokyo/en/	Triển lãm toàn diện về vật liệu xây dựng, dịch vụ nhà ở. Là cơ hội tốt để doanh nghiệp mở rộng kinh doanh và tìm đối tác.
3	Foodex Japan 2023	Thời gian: 7/3- 10/3/2023 Địa điểm: Tokyo Big Sight (Trung tâm Triển lãm Quốc tế Tokyo)	Thực phẩm và đồ uống	https://www.jma.or.jp/foodex/en/about/index.html	Đây là hội chợ về thực phẩm và đồ uống lớn nhất tại Châu Á

STT	Tên hội chợ	Thời gian/Địa điểm	Ngành hàng	Website	Ghi chú
4	SCAJ World Specialty Coffee Conference And Exhibition 2022	Thời gian: 12/10-14/10/2022 Địa điểm: Sảnh Tây 3&4, Trung tâm Triển lãm Quốc tế Tokyo	Cà phê	https://scajconference.jp/en/	Là hội chợ chuyên về cà phê lớn nhất tại khu vực Châu Á được tổ chức tại Nhật Bản
5	The 94 th Tokyo International Gift Show Autumn 2022	Thời gian: 7/9- 9/9/2022 Địa điểm: Trung tâm Triển lãm Quốc tế Tokyo	Thủ công mỹ nghệ	https://www.giftshow.co.jp/english/tigs/	Là hội chợ thường niên về thủ công mỹ nghệ

3. Một số nhà nhập khẩu uy tín của Nhật Bản

3.1. Các doanh nghiệp nông sản/ thủy sản

STT	Tên doanh nghiệp	Mặt hàng nhập khẩu	Liên hệ (địa chỉ/ điện thoại/ mail)	Ghi chú
1	Genky store inc	Nông sản (hạt điều)	+ Địa chỉ: 38-33, Shimokumeda, Maruoka-cho, Sakai- shi, Fukui-ken, 910-0332 JAPAN; + Điện thoại: +81-776-67-5240/ Fax: +81-776-67-5241 +Website: www.genky.co.jp	Công ty Genky Store chuyên nhập khẩu và phân phối các mặt hàng được, mỹ phẩm, hạt khô và thực phẩm.
2	Tokai Denpun Co., Ltd.	Nông sản, thủy sản	+ Địa chỉ: 24-15 Temma-cho, Aoi-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka 420-0858; + Điện thoại: +81-54-253-3225/ Fax: +81-54-251-6909 + Website: http://www.tdc-	Công ty Tokai Denpun được thành lập vào tháng 8/1947 và hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, sản xuất các mặt hàng nông sản, thủy sản, gia súc, dầu ăn và chất béo, thực phẩm chức năng, thức ăn gia súc, phân bón...

			net.co.jp/en/company/outline.html	
3	Matsuoka Co., Ltd	Nông sản, thủy sản	<p>+ Địa chỉ: 1-10-12 Higashi-yamatomachi, Shimonoseki City, Yamaguchi Prefecture 750-8512</p> <p>+ Điện thoại: +81-83-267-5566</p> <p>+ Website: http://www.matsuoka.co.jp/english/company/index</p>	<p>Công ty Matsuoka Co., Ltd hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu các mặt hàng nông, thủy sản; sản xuất các mặt hàng thủy sản; cung cấp dịch vụ kho vận. Công ty có các công ty thành viên sau: (1) Matsuoka Seafoods Co. Ltd</p> <p>(2) Hishiya Co., Ltd.</p> <p>(3) Myanmar Sunrise (Myanmar)</p> <p>(4) Dalian Sunrise Trading Co., Ltd. (China)</p>
4	Tamamo Co., Ltd	Nông sản	<p>+ Địa chỉ: 2118, MITANI-CHO TAKAMATSU CITY. KAGAWA PREF, JAPAN</p> <p>+ Điện thoại: +81 87-889-213</p> <p>+ Website: http://tamamof.co.jp/?page_id=67</p>	

5	Marubeni Corporation	Nông sản, thủy sản, lâm sản	<p>+ Địa chỉ: 4-2, Ohtemachi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8088, Japan</p> <p>+ Điện thoại: + 81- 33-282-2111</p> <p>+ Website: https://www.marubeni.com/en/company/profile/ </p>	Công ty Marubeni có 132 chi nhánh tại Nhật Bản và nhiều quốc gia trên thế giới, hoạt động đa lĩnh vực trong đó có một số ngành nổi bật: công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), kho vận, thực phẩm, nông sản, lâm sản, hóa chất, khoáng sản, năng lượng, tài chính, xây dựng....
6	KOBE YOKO LTD.	Nông sản, thủy sản	<p>+ Địa chỉ: 4-2-8 Isobe-dori, Chuo-ku, Kobe 651-0084; Kobe Import Merchandise Mart 9th Floor</p> <p>+ Điện thoại: +81-78-232-3621/ Fax: +81-78-232-3723</p> <p>+ Mail: dept1@kobeyoko.co.jp</p> <p>+ Website: https://kobeyoko.co.jp/english/overview </p>	Công ty Kobe Yoko được thành lập từ năm 1949, hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu nông sản (nhập khẩu các mặt hàng: hoa quả tươi, rau tươi, nấm khô, trà và các mặt hàng nông sản khác); nhập khẩu thủy sản gồm: tôm đông lạnh và các sản phẩm thủy hải sản đông lạnh khác. Đối tác của công ty đến từ các nước châu Mỹ Latinh, châu Đại dương, Hoa Kỳ, Nam Phi, Trung Quốc, Việt Nam...

3.2. Công ty nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ

STT	Tên doanh nghiệp	Mặt hàng nhập khẩu	Liên hệ (địa chỉ/ điện thoại/ mail)	Ghi chú
1	CAINZ CORPORATION	Thủ công mỹ nghệ	+ Địa chỉ: 1-2-1 WASEDANOMORI,HONJO-SHI,SAITAMA,JAPAN + Điện thoại: + 81- 0495-25-1000 + Website: https://www.cainz.co.jp/en/about/aboutus.html	Công ty nhập khẩu và cung cấp hàng thủ công mỹ nghệ cho thị trường Nhật Bản
2	VIVA HOME CORPORATION	Hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ	+ Địa chỉ: 1-13-1 Kamikizaki Urawa-ku, Saitama-shi, Japan 330-8671 + Điện thoại: +81-48-610-0624 + Website: https://www.vivahome.co.jp/english	Công ty nhập khẩu và cung cấp hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ với hệ thống 113 cửa hàng trên toàn Nhật Bản
3	ASAHI GREEN	Thủ công mỹ nghệ	+ Địa chỉ: 2-47 JU-ICHIYA,	Công ty nhập khẩu và

STT	Tên doanh nghiệp	Mặt hàng nhập khẩu	Liên hệ (địa chỉ/ điện thoại/ mail)	Ghi chú
	CO.,LTD	nghệ (mây tre đan)	MINATO-KU NAGOYA, AICHI JAPAN + Điện thoại: :00-81-52-389-0100 + Website: https://www.kago-ichiba.com/en/product18.html	cung cấp các sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ tre
4	TOUYU CORPORATION	Thủ công mỹ nghệ (các mặt hàng tre)	+ Địa chỉ: 4-3-9 ISHIHARA SUMIDA-KU TOKYO 130-0011 JAPAN	Công ty nhập khẩu và cung cấp các sản phẩm từ tre
5	J-CRAFT., LTD	Thủ công mỹ nghệ	+ Địa chỉ: 190-2 nishijima, shizuoka, 422-8037 japan + Điện thoại: + 81 - 03-3837-3337	Công ty nhập khẩu và cung cấp các sản phẩm mỹ nghệ

4. Địa chỉ hữu ích

Sau đây là một số cơ quan, tổ chức hữu ích cho doanh nghiệp trong vấn đề xuất khẩu hàng hóa cũng như tìm hiểu thị trường Nhật Bản, cụ thể:

- *Danh sách các hiệp hội tại Nhật Bản*

- Hiệp hội Công nghiệp Thực phẩm tiện lợi Nhật Bản

Địa chỉ: Kimura Bldg. 3F, 5-5-5 Asakusabashi, Taito-ku, Tokyo 111-0053

Tel: 81/3/3865-0811;

Fax: 3865-0815

Email: daihyo@sokuseki-kyokai.com

Web: www.instantramen.or.jp/english/index.html

- Hiệp hội rau sấy khô Nhật Bản

Địa chỉ: 1-9-12 Irifune, Chuo-ku, Tokyo 104-0042

Tel: 81/3/5117-2661

Fax: 3552-2820

Email: kaz@primero.jp

- Hiệp hội thực phẩm đông lạnh Nhật Bản

Địa chỉ: Katsuraya Dai 2Bldg. 6F, 10-6 Kobunacho Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo 103-0024

Tel: 81/3/3667-6671

Fax: 3669-2117

Email: info@reishokukyo.or.jp

Web: www.reishokukyo.or.jp/

- Hiệp hội Nước quả ép Nhật Bản

Địa chỉ: ZenkokuTobacco Bldg, tầng 3, 1-10-1 Shibadaimon, Minato-ku, Tokyo105-0012

Tel: 81/3/3435-0731

Fax: 3435-0737

Email: kaju-kyo@cello.ocn.ne.jp

Web: www.kaju-kyo.ecnet.jp

- Hiệp hội Lương thực Thực phẩm và Dinh dưỡng Nhật Bản

Địa chỉ: 2-7-27 Ichigaya Sadohara-cho, Shinjuku-ku, Tokyo 162-0842

Tel: 81/3/3268-3134

Fax: 3268-3136

Email: jhnfa@jhnfa.org

- *Các tổ chức Nhật Bản tại Việt Nam*

- Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam

Địa chỉ: P605, toà nhà Sun Red River,

Tel: +84-24-2220-9907/8

Fax: +84-24-2220-9909

Email: jcci-info@jcci.vn

Website: <https://jcci.vn/vi>

- Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam

Địa chỉ : 27 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 3846 3000

Email: ryoujihan@ha.mofa.go.jp

Website: <https://www.vn.emb-japan.go.jp/>

NGUỒN THAM KHẢO:

- Tổng cục Hải quan
- Tổng cục Thống kê
- Cục xuất nhập khẩu
- Vụ thị trường châu Á- châu Phi
- Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản
- Trung tâm Thương mại quốc tế

Bản tin xuất nhập khẩu – Thị trường Hoa Kỳ được cung cấp trực tuyến dưới định dạng Acrobat (pdf).

Chi tiết xin vui lòng liên hệ

Nguyễn Phương Ly

Trung tâm Phát triển thương mại điện tử

Địa chỉ: Phòng 411, 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.22205365 Mobile: 0983287076

Email: lynp@ecomviet.vn